

Bản án số: 13/2021/HS-ST  
Ngày 19/4/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ánh Dương.

2. Ông Đàm Sông Hương.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 05/4/2021 đối với bị cáo:

Lự Văn H, sinh ngày 14/01/1995 tại huyện V, tỉnh L.

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lự Văn T, sinh năm 1976; con bà: Lương Thị H, sinh năm 1975. Hiện đều trú tại: Xã V, huyện V, tỉnh L.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân: Là người nghiện chất ma túy; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

*Các bị hại:* 1 - Sầm Văn Q, sinh ngày 25/9/2003 - Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Sầm Văn Q: Ông Sầm Văn Đ, sinh năm 1973 (Bố đẻ) - Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh L.

2 - Anh Sầm Văn T, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh L - Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Ngô Văn H1, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, thị xã T, tỉnh B - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 28/01/2021, Lự Văn H đến nhà ông Sầm Văn S - sinh năm 1969, tại thôn N, xã V, huyện V để dự đám cưới. Đến khoảng 13 giờ, H

đi vào phòng ngủ thứ hai của nhà ông H phát hiện thấy anh Sầm Văn T (*sinh ngày 20/5/1997*) và anh Sầm Văn Q (*sinh ngày 25/9/2003*) cùng trú tại thôn C, xã C, huyện B, tỉnh L đang nằm ngủ, ở đầu giường có 01 chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note8 loại 64Gb vỏ màu xanh dương và 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng đồng phiên bản quốc tế loại 64Gb nên đã nảy sinh ý định lấy trộm. H lần lượt cầm lấy 02 chiếc điện thoại nói trên cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi về nhà. Sau đó H mang 02 chiếc điện thoại trộm cắp được bỏ trốn xuống huyện T, tỉnh B. Đến ngày 05/02/2021, H cài lại được mật khẩu chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note8 nên đã mang đến quán điện thoại 189 Mobile ở thôn B, xã H, huyện T, tỉnh B bán cho anh Ngô Văn H1 (*sinh năm 1990, nơi cư trú: xóm T, xã T, thị xã T, tỉnh B*) với giá 1.500.000đ. Ngày 06/02/ 2021, H đã đến cơ quan Công an đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp và giao nộp lại chiếc điện thoại Iphone 6s Plus. Ngày 20/02/2021, anh Ngô Văn H1 giao nộp lại chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 8 đã mua của H cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Bàn để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản định giá tài sản số 03 ngày 08/02/2021 và số 04 ngày 26/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 6s Plus của anh Sầm Văn Q có trị giá 3.120.000đ; Chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note8 của anh Sầm Văn T có trị giá 3.600.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-VB ngày 22/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử bị cáo Lữ Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lữ Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử: \* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lữ Văn H từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu khoảng 13 giờ ngày 28/01/2021 Lữ Văn H đã trộm cắp 01 điện thoại Iphone 6s Plus 64Gb của anh Sầm Văn Q trị giá 3.120.000đ và 01 điện thoại

Xiaomi Redmi Note 8 loại 64Gb của anh Sầm Văn T trị giá 3.600.000đ, mục đích để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Như vậy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định ngày 28/01/2021, Lữ Văn H đã trộm cắp tài sản của người khác có trị giá là 6.720.000đ (*sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lữ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là người khỏe mạnh nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, đua đòi dẫn đến nghiện ma túy, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã đến Công an đầu thú; Bị cáo không có nghề nghiệp, nghiện ma túy, không có tài sản riêng gì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: - Tài sản bị cáo trộm cắp gồm: 01 điện thoại Iphone 6s Plus 64Gb của anh Sầm Văn Q; 01 điện thoại Xiaomi Redmi Note 8 loại 64Gb của anh Sầm Văn T cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Các bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

- Đối với anh Ngô Văn H1: Là người đã bỏ ra 1.500.000đ mua chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note8, nhưng anh H1 không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập giải quyết là đúng quy định. Anh H1 đã được giải thích quyền yêu cầu bị cáo hoàn trả đối với số tiền 1.500.000đ bỏ ra mua điện thoại của Lữ Văn H nhưng anh H1 không có yêu cầu lấy lại và cho bị cáo số tiền này nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lữ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Lữ Văn H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2021 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lữ Văn H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận**

- TAND Tỉnh LC(01);
- VKSND tỉnh LC(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Bị hại, đại diện bị hại(03);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Vĩnh Thái**